TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CAO LÃNH** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 59/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 12-6-2024
V/v tranh chấp HNGĐ - Ly hôn, nuôi con và chia tài sản chung

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAO LÃNH, TỈNH ĐỒNG THÁP

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***
- *Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa:* Bà **Võ Thị Kim Hoa**
- *Các Hội thẩm nhân dân*: Bà **Nguyễn Thị Phượng**

  Ông **Phạm Phước Tâm**

- *Thư ký phiên tòa*: Ông **Huỳnh Trọng Nhân** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Trong ngày 12 tháng 6 năm 2024 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Cao Lãnh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 15/2024/TLST-HNGĐ, ngày 08 tháng 01 năm 2024 về việc: *"Tranh chấp hôn nhân gia đình - Ly hôn, nuôi con và chia tài sản chung"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 167/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 4 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 224/2024/QĐST-HNGĐ ngày 15 tháng 5 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Trần Thị D, sinh năm 1977.

Địa chỉ: Ấp D, xã T, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

Bị đơn: Ông Nguyễn Văn N, sinh năm 1976.

Địa chỉ: Ấp B, xã T, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

(Bà D có đơn xin vắng mặt, ông N vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

***Theo đơn khởi kiện, lời khai tại tòa án nguyên đơn bà Trần Thị D trình bày*:**

- Về hôn nhân: Bà Trần Thị D và ông Nguyễn Văn N kết hôn và chung sống với nhau vào năm 1997 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, tỉnh Đồng Tháp cấp ngày 23/10/2002. Bà D và ông N chung sống với nhau vẫn có mâu thuẫn nhưng vẫn cố gắng nhẫn nhịn để tiếp tục chung sống với

nhau vẫn có mâu thuẫn nhưng vẫn cố gắng nhẫn nhịn để tiếp tục chung sống với ông N. Nhưng vài năm gần đây, mâu thuẫn giữa bà D và ông N có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác mà không quan tâm đến gia đình. Bà D đã nhiều lần khuyên ngăn nhưng ông N vẫn không thay đổi, dù có mặt của các con nhưng ông N vẫn chữi mắng và hâm dọa và bà D nhiều lần.

Thời gian trước đây, vì các con còn nhỏ nên bà D đã cố gắng nhẫn nhịn nhưng nay các con đều đã lớn và đã hiểu chuyện. Tuy vợ chồng vẫn sống chung nhà nhưng kinh tế mạnh ai nấy xài, không còn quan tâm gì đến nhau. Bà D cũng đã tìm rất nhiều cách để mong ông N nhưng ông N tính nào tật nấy, vẫn không có ý hàn gắn lại hôn nhân với bà D nên đi đến quyết định ly hôn. Bà Trần Thị D yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Văn N.

- Về con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Thị Thùy D1, sinh năm 19/6/1998; Nguyễn Hồng H, sinh năm 20/9/2002, hiện các con chung đã trưởng thành nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

- Về tài sản chung: Không có.

- Về nợ chung: Không có.

Đối với bị đơn là ông Nguyễn Văn N đã được tống đạt thông báo thụ lý vụ án, thông báo hòa giải và triệu tập xét xử hợp lệ nhưng không có văn bản ý kiến, không tham gia hòa giải và không có mặt tại phiên tòa sơ thẩm.

**** Các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án:***

Nguyên đơn cung cấp các tài liệu, chứng cứ sau:

- 01 Căn cước công dân Trần Thị D (Bản sao);

- 01 Căn cước công dân Nguyễn Thị Thùy D1 (Bản sao);

- 01 Giấy khai sinh Nguyễn Thị Thùy D1 (Bản photo công chứng);

- 01 Trích lục khai sinh Nguyễn Văn Thanh L (Bản sao);

- 01 Giấy chứng nhận kết hôn Nguyễn Văn N và Trần Thị D (Bản chính).

Các tài liệu trong hồ sơ các đương sự thống nhất theo biên bản phiên họp công khai và tiếp cận chứng cứ ngày 15/4/2024 và đã thông báo cho đương sự vắng mặt được biết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, lời khai tại Tòa án và yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ pháp luật, xét thấy: Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị D về việc ly hôn với ông Nguyễn Văn N nên Hội đồng

xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp giữa các đương sự là "Tranh chấp về hôn nhân và gia đình – Ly hôn, con chung và tài sản chung" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thẩm quyền, xét thấy: Tranh chấp về hôn nhân và gia đình về việc ly hôn giữa các đương sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn ông Nguyễn Văn N hiện đang cư trú tại xã T, huyện C, tỉnh Đồng Tháp vụ án nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp, theo quy định tại khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về tố tụng, xét thấy: nguyên đơn bà D có đơn xin vắng mặt, bị đơn là ông N đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành phiên tòa theo quy định tại khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[4] Về nội dung, xét yêu cầu của nguyên đơn:

[4.1] Về hôn nhân: Bà Trần Thị D yêu cầu xin ly hôn với ông Nguyễn Văn N là có căn cứ, bởi lẽ: Bà D và ông N kết hôn và sống chung với năm từ năm 1997, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, tỉnh Đồng Tháp vào ngày 23/10/2002 nên hôn nhân giữa bà D và ông N là hợp pháp. Trong quá trình sống chung hai bên đã phát sinh mâu thuẫn trầm trọng không thể hàn gắn được, bà D cho rằng nguyên nhân là do ông N có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác mà không quan tâm đến gia đình. Bà D đã nhiêu lần khuyên ngăn nhưng ông N vẫn không thay đổi. Từ đó, cho thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa bà D và ông N đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Trần Thị D.

[4.2] Về con chung: Bà D và ông N có 02 con chung tên Nguyễn Thị Thùy D1, sinh năm 19/6/1998 và Nguyễn Hồng H, sinh năm 20/9/2002, hiện các con chung đã trưởng thành nên bà D không yêu cầu Toà án giải quyết Hội đồng xét xử không xem xét.

[4.3] Về tài sản chung: Bà D trình bày vợ chồng không có tài sản chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[4.4] Về nợ chung: Bà D trình bày trong quá trình sống chung vợ chồng không có nợ chung nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5]. Về án phí:

Căn cứ Khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án:

Bà D phải nộp 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân và gia đình về ly hôn nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001138 ngày 04/01/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28, Khoản 1 Điều 35, Khoản 1 Điều 39, Khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, 238 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 14; khoản 2 Điều 53; Điều 58; 81; 82; 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về án phí - lệ phí Tòa án:

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Về hôn nhân: Bà Trần Thị D được ly hôn với ông Nguyễn Văn N.

- Về con chung:

Bà D và ông N có 02 con chung tên Nguyễn Thị Thùy D1, sinh năm 19/6/1998 và Nguyễn Hồng H, sinh năm 20/9/2002, hiện đã trưởng thành nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí:

Bà Trần Thị D phải chịu 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm về ly hôn nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng mà bà D đã nộp theo Biên lai số số 0001138 ngày 04/01/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

3. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật

thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND HCL;
- Toà án Tỉnh;
- Chi cục THADS HCL
- UBND nơi đăng ký kết hôn;
- Lưu

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Đã ký

Võ Thị Kim Hoa